TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/*2017*/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T -TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Phú Hoa.
2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà*:* Bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1997 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
- *Bị đơn*: Anh Võ Duy N, sinh năm 1988 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, thành phố T, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24 tháng 3 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Duy N kết hôn năm 2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N ham mê cờ bạc, không lo làm ăn và thiếu trách nhiệm với vợ con. Do không thể chung sống được với nhau nên chị đã bồng con về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 3 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị làm đơn xin ly hôn với anh Võ Duy N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Trần Hoàng B, sinh ngày 01-8-2016. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi con và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Duy N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Kim T về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn cũng như thừa nhận cuộc hôn nhân trên là hoàn toàn tự nguyện. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, hơn nữa hiện nay con anh còn quá nhỏ, vì thương con nên anh không muốn ly hôn. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Trần Hoàng B, sinh ngày 01-8-2016. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi cháu B và không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T, chị Trần Thị Kim T và anh Võ Duy N thuận tình ly hôn; giao cháu Võ Trần Hoàng B cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Duy N, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Kim T với anh Võ Duy N thấy rằng:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Võ Duy N đăng ký kết hôn vào ngày 09-6-2016 tại UBND xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống chị T cho rằng: Anh N không có trách nhiệm với vợ con, cờ bạc không lo làm ăn nên vợ chồng không thể chung sống với nhau. Anh N lại cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có phát sinh nhưng không đáng kể, anh vì thương con còn quá nhỏ nên không đồng ý ly hôn nhưng nay chị T vẫn cương quyết ly hôn nên anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét: Từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình nhưng không được các bên giải quyết kịp thời, dẫn đến vợ chồng không tôn trọng, xúc phạm lẫn nhau, Toà án đã kiên trì hoà giải tuy nhiên từ thời điểm hòa giải đến nay vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Hiện tại chị T và anh N đã sống ly thân.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, anh N đồng ý ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T và anh Võ Duy N.

- Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Võ Trần Hoàng B, sinh ngày 01-8-2016, chị T và anh N đều yêu cầu được nuôi con, chị T yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, anh N không đồng ý. Hội đồng xét xử xét: Chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B từ trước đến nay, chị T có thu nhập ổn định, hiện tại cháu B mới hơn 12 tháng tuổi, do đó để đảm bảo điều kiện sức khỏe cho cháu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Võ Trần Hoàng B cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên theo lời trình bày của anh N hiện tại anh có công việc ổn định, thu nhập trung bình hàng tháng gần 6.000.000 đồng, do đó cần buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Trần Thị Kim T phải chịu.

Án phí cấp dưỡng anh Võ Duy N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim T với bị đơn anh Võ Duy N về việc ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Võ Duy N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Võ Trần Hoàng B, sinh ngày 01-8-2016 cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành. Anh Võ Duy N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng)* cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2017.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Duy N không thanh toán số tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả trên số tiền cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời giam chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Án phí ly hôn chị Trần Thị Kim T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002638 ngày 24-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí cấp dưỡng anh Võ Duy N phải chịu là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-8-2017).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố T;
- Cơ quan THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt